

## HĐ 2 LẬP SƠ ĐỒ TƯ DUY VỀ HỆ THỐNG BÀI HỌC THUỘC CÁC THỂ LOẠI MĨ THUẬT TRONG SÁCH GIÁO KHOA MĨ THUẬT 6

### Nhiệm vụ của GV:

Hướng dẫn HS hệ thống lại kiến thức mỹ thuật đã được học ở lớp 6 thông qua các chủ đề/bài học cụ thể và phân chia thành các thể loại, lĩnh vực của Mỹ thuật.

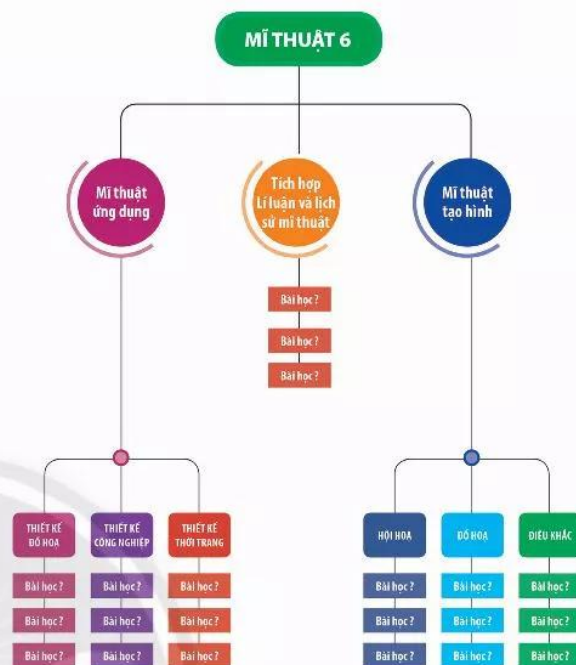
### Gợi ý cách tổ chức:

- Gợi mở cho HS cách phân chia các chủ đề, bài học theo từng lĩnh vực, thể loại của mỹ thuật như: Mỹ thuật tạo hình, Mỹ thuật ứng dụng, Tích hợp Lí luận và lịch sử mỹ thuật.
- Hướng dẫn HS vẽ sơ đồ tư duy về hệ thống bài học theo các mạch nội dung chính:

### Mỹ thuật lớp 6

- + Mỹ thuật tạo hình: Hội họa (Bài...); Đồ họa (Bài ...); Điêu khắc (Bài ...).
- + Mỹ thuật ứng dụng: Thiết kế đồ họa (Bài...); Thiết kế công nghiệp (Bài...); Thiết kế thời trang (Bài...).
- + Tích hợp Lí luận và lịch sử mỹ thuật (Bài...).

## 2 Lập sơ đồ tư duy về hệ thống bài học thuộc các thể loại mỹ thuật trong sách giáo khoa Mỹ thuật 6



73





## CÁC THỂ LOẠI MĨ THUẬT

**Hội họa:** Thuộc Mĩ thuật tạo hình, sử dụng các yếu tố và nguyên lí mĩ thuật để thể hiện ý tưởng, cảm xúc của tác giả về thế giới xung quanh trên mặt phẳng hai chiều.

Hội họa gồm: tranh chân dung, tranh phong cảnh, tranh tĩnh vật, tranh theo đề tài,...

Chất liệu của hội họa bao gồm: màu nước, màu bột, màu acrylic, phấn màu, sơn dầu, lụa, sơn mài,...

**Đồ họa:** Thuộc Mĩ thuật tạo hình, gián tiếp sử dụng các yếu tố và nguyên lí mĩ thuật qua các thiết bị và kĩ thuật in ấn để truyền tải thông tin. Đồ họa được chia thành hai nhóm cơ bản là:

– Đồ họa tạo hình (tranh in). Chất liệu: khắc gỗ, in đá, khắc kim loại, bút sắt, in lưới, in độc bản,...

– Đồ họa ứng dụng (thiết kế tạo dáng sản phẩm). Chất liệu đa dạng.

**Điều khắc:** Thuộc Mĩ thuật tạo hình, sử dụng hình khối, không gian, chất liệu, màu sắc và ánh sáng để thể hiện tác phẩm với không gian ba chiều.

Điều khắc chủ yếu gồm có tượng tròn và phù điêu.

Chất liệu sử dụng trong điêu khắc gồm: gỗ, đá, kim loại, đất nung, nhựa tổng hợp,...

**Thiết kế công nghiệp** (tạo dáng công nghiệp hoặc thiết kế tạo dáng,...): Là một lĩnh vực thuộc Mĩ thuật ứng dụng, kết hợp nghệ thuật và khoa học công nghệ nhằm tạo ra sản phẩm theo phương thức sản xuất công nghiệp có tính thẩm mĩ và tiện ích trong cuộc sống.

**Thiết kế đồ họa:** Là lĩnh vực thiết kế tạo ra các mẫu sản phẩm dùng trong in ấn, sản xuất hàng loạt nhằm phục vụ nhu cầu đa dạng của con người như: truyền tải thông tin, quảng bá, trang trí, làm đẹp,...

**Thiết kế thời trang:** Là lĩnh vực sáng tạo gắn liền với công nghệ làm đẹp, gồm: thiết kế trang phục (quần áo, váy, giày dép,...), phụ kiện (khăn, mũ, túi, ví, thắt lưng,...) và trang sức (nhẫn, hoa tai, dây chuyền, vòng tay,...).

**Lí luận và lịch sử mĩ thuật:** Là lĩnh vực nghiên cứu, tìm hiểu, phân tích về tác giả, tác phẩm, công trình mĩ thuật, các phong cách, trường phái nghệ thuật tiêu biểu,... của các thời kì lịch sử.



74

## CÂU HỎI GỢI MỞ

- Chủ đề.../bài... thuộc lĩnh vực mĩ thuật nào?
- Có thể vẽ sơ đồ tư duy hệ thống các nội dung/chủ đề/bài học của SGK Mĩ thuật 6 bằng hình thức mĩ thuật nào?
- Đặc điểm của mỗi thể loại mĩ thuật cơ bản thể hiện bằng những nét khái quát nào?

## Tóm tắt để HS ghi nhớ

Để hệ thống và lập được sơ đồ tư duy, cần phải nắm vững kiến thức và xác định được các dạng bài thuộc các thể loại mĩ thuật, trong đó có các chủ đề/bài học cụ thể.



## THÔNG TIN HOẠ SĨ

### Hoạ sĩ Jackson Pollock



Hoạ sĩ Jackson Pollock  
(1912 – 1956)

Michael Jackson Pollock (1912 – 1956) sống ở thời kì hưng thịnh của chủ nghĩa trừu tượng trong lịch sử nghệ thuật thế giới. J. Pollock là hoạ sĩ Mỹ tiêu biểu, chủ chốt của chủ nghĩa biểu hiện trừu tượng. Ông bắt đầu nghiên cứu hội hoạ từ năm 1929 tại Trường Liên kết sinh viên nghệ thuật ở New York. Từ năm 1938 đến 1942, ông làm việc cho Dự án nghệ thuật Liên bang. Đến giữa những năm 1940, ông đã vẽ một cách hoàn toàn trừu tượng với kĩ thuật vẽ tung hứng, vung vẩy màu sơn lên tranh để tạo ra tác phẩm. Và chính bút pháp được cho là kì lạ vào thời điểm đó – vẽ bằng những vệt màu sơn rơi rớt, đã tạo nên danh tiếng cho J. Pollock ngay từ năm 1947.

J. Pollock là nghệ sĩ Mỹ đầu tiên theo trường phái nghệ thuật trừu tượng. Thuật ngữ “trừu tượng” có thể hiểu là “không thể hiện rõ ràng các vật thể dễ nhận biết trong thế giới khách quan”. Trong hội hoạ, tranh trừu tượng là tranh mà hoạ sĩ tạo ra một bố cục gồm các mảng màu, đường nét, hình khối nhưng không nhằm diễn tả hay mô phỏng bất cứ một vật nào từ thế giới khách quan. Không nằm ngoài đặc trưng của trường phái, lối vẽ trừu tượng ngẫu hứng trong các bức vẽ của J. Pollock hầu hết cũng không đưa ra đối tượng có thể cảm nhận bằng thị giác được.

Sự đặc biệt của J. Pollock còn ở chỗ ông không sử dụng sơn dầu, cọ nhỏ, dao chia bảng màu và các vật dụng truyền thống khác. Ông sử dụng sơn được làm từ nhựa tổng hợp pha loãng để có thể dùng ở độ lỏng, thay cho sơn dầu mà các nghệ sĩ thường vẽ. Ông có một bộ dụng cụ đặc biệt để vẽ tranh, đó có thể là một vật dụng bất kì như chổi cứng, que, ca nhựa, bàn chải, thậm chí là cả ống tiêm. Đôi khi, thay vì dùng bút vẽ mềm để quét sơn thì ông dùng gậy, dao, thậm chí quăng một số đồ vật nhúng sơn, hoặc sử dụng những vật dụng ông tự tạo lấy cho lối vẽ riêng của mình. Ông cũng sử dụng nhiều chất liệu khác nhau khi sáng tác, có khi thì sử dụng màu sơn, có khi thì bằng chất liệu phụ gia như cát thuỷ tinh,... Và thay vì sử dụng các giá vẽ truyền thống, ông dán vải vẽ tranh lên sàn hoặc tường nhà rồi cứ vung toé sơn của mình lên trên đó. Sàn trong phòng vẽ của Pollock đầy những vệt sơn vương vãi, nếu hiểu theo khía cạnh thi vị hoá thì có thể coi đây là một bức tranh đẹp để “không may được sinh ra” nhờ một bức tranh khác. Với ông, trên sàn nhà ông thấy thoải mái hơn, thấy “gắn” với tác phẩm hơn, có thể đi bộ xung quanh nó và làm việc từ bốn mặt của bức tranh.

Có thể nói, điều quan trọng khiến cho những tác phẩm của J. Pollock trở nên đặc biệt là vì chúng được tạo nên theo lối vẽ trừu tượng ngẫu hứng hay trừu tượng hành động. Những gì thể hiện trong tranh là tiếng nói minh chứng, một ngữ ngôn



hội hoạ được diễn giải bằng chữ, bằng thị giác, thính giác và xúc giác giữa người vẽ và người xem. Lối vẽ này vốn đã thịnh hành trước đó nhưng đến J. Pollock, nó được nâng lên một tầm cao mới.



*Convergence (Hội tụ), 1952, sơn dầu*

Tác phẩm *Convergence (Hội tụ)*, còn có tên khác là “Số 10”, được nghệ sĩ J. Pollock sáng tác năm 1952. Tác giả khởi đầu bức tranh bằng sơn đen trên vải thô, sử dụng bút và đổ sơn tạo phần nền, sau đó chuyển hướng cho bức tranh với động tác nhỏ giọt trều tượng và bắn tung toé màu sắc khắp nơi rất đặc trưng của mình. Những mảnh nhỏ của cuộc sống hàng ngày được ông đưa vào bố cục; trong số các sợi đan xen và các vệt màu, có thể tìm thấy các vật thể như móng tay hay đồng xu trên bề mặt, một que diêm nhỏ được nhúng vào sơn gần trung tâm bức tranh,... Bức tranh là một tập hợp nhiều màu sắc từ cam, đỏ, vàng đến xanh lam, trắng trên nền vải tạo thành những vòng tròn, vòng xoáy, đường nét và đốm rải rác,... va đập vào thị giác tạo ấn tượng cho người xem ngay từ cái nhìn đầu tiên. Tranh “Hội tụ” được coi là một trong những tác phẩm bậc thầy của nghệ sĩ J. Pollock. Hiện nay, tranh nằm trong bộ sưu tập của Phòng Trưng bày nghệ thuật Albright – Knox, Buffalo, New York, Mĩ.

Tóm lại, các tác phẩm của J. Pollock có vẻ không phức tạp về mặt kĩ thuật nhưng để hiểu được cũng không phải đơn giản, điều quan trọng là các tác phẩm đó đều có vai trò quan trọng đối với nghệ thuật thế giới và J. Pollock vẫn được đánh giá là một trong những họa sĩ có ảnh hưởng nhất của thế kỉ XX.

**Tài liệu tham khảo:**

1. Herbert Read, *Lịch sử hội hoạ thế kỉ XX*, Phạm Minh Thảo, Nguyễn Kim Loan biên dịch, NXB Văn hoá – Thông tin, H., 2001.
2. Khải Phạm, Phạm Cao Hoàn, Nguyễn Khoan Hồng, *70 danh hoạ bậc thầy thế giới*, NXB Mỹ thuật, H., 1999.



## Hoạ sĩ Phạm An Hải



Hoạ sĩ Phạm An Hải  
(1967)

Hoạ sĩ Phạm An Hải sinh năm 1967 tại Hà Nội. Tốt nghiệp đại học và cao học tại Trường Đại học Mỹ thuật Hà Nội (nay là Trường Đại học Mỹ thuật Việt Nam), ông có một bề dày vững vàng với vốn kiến thức về kĩ thuật của hội hoạ hàn lâm, nhưng sẵn sàng gác lại tất cả vốn liếng, kinh nghiệm của hội hoạ hiện thực để rẽ sang vùng đất trừu tượng với mong muốn “xây dựng một định dạng trừu tượng mới của hội hoạ Á Đông”. Trong cuốn sách tập hợp các nghệ sĩ tranh trừu tượng của thế giới, Phạm An Hải góp mặt bên cạnh những tên tuổi như P. Cézanne, M. Chagall, S. Dali, H. Matisse. Tiếp đó, trong bộ sách trừu tượng Đông Nam Á 100 năm gồm 20 hoạ sĩ tiêu biểu nhất, Việt Nam cũng ghi dấu ấn với tên tuổi Phạm An Hải.

Trừu tượng của Phạm An Hải là một sự chủ động, hoàn toàn không có những biểu hiện bề tác trong ngôn ngữ nghệ thuật hay cố tình tìm kiếm sự bí hiểm. Không có những giảng xé dữ dội, không thể hiện những gào thét nội tâm hay thế giới quan khốc liệt, tranh của Phạm An Hải đơn giản dung hoà giữa thực – ảo, là phép cộng giữa vật thể và hình dung trong tâm tưởng, để khắc hoạ cảm xúc của chính mình qua từng mảng màu tương phản và nét cọ dứt khoát. Hiện thực trong tranh ông được nhào nặn, đẩy lên hay buông lỏng tạo ra những mảng, nhát hài hoà; những bản hoà tấu của màu sắc, nhịp điệu. Màu của ông đủ độ điệu dàng pha chút lãng mạn, dễ xem dễ cảm. Điều đó giúp hoạ sĩ thể hiện thành công những tác phẩm đòi hỏi gặt gao sự tinh tế như giao mùa, bốn mùa trong năm, đặc biệt là mùa thu. Hiện thực ban đầu đã chuyển hoá thành trừu tượng của cảm giác.



Mùa thu vàng, 2011, acrylic trên toan

Với một đề tài, Phạm An Hải thường thể hiện bằng nhiều tác phẩm. Nếu *Dấu thời gian*, *Dòng thời gian*, *Màu thời gian*,... là sự chiêm nghiệm về thời gian; *Ô cửa xanh*, *Ngày xanh*, *Vết nắng của ngày xanh*,... là những ẩn tượng về một ngày đẹp trời; *Chiều hoang*, *Sau cơn mưa chiều*, *Chiều muộn*, *Cơn giông chiều*,... là những góc nhìn đa sắc về buổi chiều;



thì *Tĩnh lặng*, *Tĩnh lặng 2*, *Sáng tĩnh lặng*,... lại là những cảm nhận vô cùng tinh tế về sự tĩnh lặng. Lặng lẽ và kiên định với dòng tranh trừu tượng, theo đuổi những vẻ đẹp chỉ có thể cảm được như sự tĩnh lặng, màu thời gian, buổi chiều bình yên, khoảnh khắc giao mùa,... tranh của Phạm An Hải lúc say màu vàng, lúc tôn vinh màu xanh, lúc đắm mê đỏ, lúc độc tôn đen, lúc phiêu lãng với gam màu dịu nhẹ, có khi là cuộc biến tấu của vạn sắc màu,... Và đặc biệt tài tình, tinh tế, làm chủ trò chơi ấy, Phạm An Hải thi vị hoá mưa tạo thành bức tranh màu sắc lung linh, sống động.



*Dưới mặt nước*, 2016, acrylic và sơn dầu

Tác phẩm *Dưới mặt nước* được Phạm An Hải sáng tác năm 2016. Tràn ngập bức tranh có thể cảm thấy sự lãng mạn lan toả. Bức tranh hàm chứa nhiều sắc độ màu, thể hiện kỹ thuật sử dụng màu sắc đỉnh cao và điêu luyện. Với gam màu vàng, xanh chủ đạo kết hợp cùng màu trắng, ghi, đen,... tác giả đã thể hiện thành công sự biến chuyển tinh tế của những bí ẩn của thiên nhiên ẩn sâu dưới mặt nước hay cũng chính là những bí ẩn trong miền cảm xúc con người. Có thể nói, âm hưởng của bản hoà tấu kết hợp bởi sắc màu và cảm hứng thiên nhiên đã tạo thành thứ ngôn ngữ nghệ thuật đầy mê hoặc cho tác phẩm *Dưới mặt nước*.

30 năm thủy chung với dòng trừu tượng, Phạm An Hải đã khai phá một lối đi riêng mang tên "Trừu tượng của cảm xúc". 30 năm miệt mài trên con đường trừu tượng, Phạm An Hải đã được vinh danh với nhiều giải thưởng: Giải Nhì thế giới tranh đương đại năm 2015 bởi Art-Competitions USA; 20 nghệ sĩ trừu tượng tiêu biểu ở Đông Nam Á trong 100 năm gần đây vào năm 2015 do Nhà đấu giá Sotheby's bình chọn; Nghệ sĩ xuất sắc thế giới năm 2016 do FA Italia bình chọn. Nhiều tác phẩm của ông cũng được xuất hiện ở những nơi danh giá như: Bảo tàng Mĩ thuật Việt Nam (2007, 2010); Bảo tàng Huế (2018); Bảo tàng Singapore (2008); Bảo tàng Quốc gia Petronas Malaysia (2008).

#### Tài liệu tham khảo:

1. Hội Mỹ thuật, *Phạm An Hải*, NXB Mỹ thuật, H., 2000.
2. Văn Bảy, *Hành trình của những họa sĩ "triệu đô" (IG 6): Phạm An Hải mở lối đi riêng với tranh trừu tượng*, Báo *thethaovanhao.vn*, ngày 27-11-2019.
3. Nông Hồng Diệu, *Phạm An Hải và những bức tranh thức dậy trước bình minh*, Báo *tienphong.vn*, ngày 09-02-2020.

## Họa sĩ Phạm Thị Nguyệt Nga



Họa sĩ Phạm Thị Nguyệt Nga  
(1940)

Họa sĩ tranh khắc gỗ Phạm Thị Nguyệt Nga sinh năm 1940 tại Hà Nội. Từ thuở nhỏ, bà đã sớm được theo học hai người thầy lớn của hội họa Việt Nam là họa sĩ Lương Xuân Nhị và họa sĩ Nguyễn Tiến Chung. Yêu thích hội họa nhưng lại đam mê với nghệ thuật tranh đồ họa, năm 1968, bà đã cho ra đời tác phẩm tranh khắc gỗ đầu tiên là *Em bé uống nước*. Cũng trong năm đó, họa sĩ Nguyệt Nga đã đạt hai giải A tại Triển lãm Mĩ thuật Thủ đô và Triển lãm Nữ tác giả với các tác phẩm *Tối trường* và *Thêu cờ*, đánh dấu sự xuất hiện của một gương mặt nữ họa sĩ trẻ đầy triển vọng trong Hội Nghệ sĩ Tạo hình Việt Nam. Những năm tiếp theo, bà đều có tác phẩm tham dự các triển lãm và liên tiếp giành được nhiều giải thưởng Mĩ thuật. Với những thành công đó, họa sĩ Phạm Thị Nguyệt Nga nhanh chóng trở thành một trong những nữ họa sĩ có tên tuổi trong lĩnh vực tranh khắc đồ họa Việt Nam từ những thập niên 1970 – 1980.

Tranh khắc gỗ của họa sĩ Nguyệt Nga mang phong cách và bút pháp hiện thực, khai thác những khía cạnh đẹp của cuộc sống dưới góc nhìn nhẹ nhàng, nữ tính nhưng rất sinh động với những đề tài giản dị, quen thuộc của cuộc sống đời thường, điển hình là các tác phẩm: *Bờ ao làng*, *Dưới gốc mít*, *Cây táo trong vườn*, *Em bé uống nước*, *Đi học trong thời chiến*, *Cô mẫu giáo*, *Thêu cờ*,... Thành tựu lớn nhất của họa sĩ Nguyệt Nga là đã đưa chất hội họa vào tranh khắc bằng sự điều luyện trong cách xử lí kĩ thuật in ấn. Có lẽ vì thế trong tranh khắc gỗ của bà thường thấy một không gian màu uyển chuyển đầy rung cảm, những mảng màu của thiên nhiên tươi sáng hoà quyện, đan chồng vào nhau, những đường nét mềm mại khi buông, nhấn, khi ẩn, hiện như những nét vẽ tay, thậm chí đôi chỗ còn cho cảm nhận như vẻ đẹp của tranh thủy mặc.





*Thêu cò, 1968, in khắc gỗ màu*



*Em bé uống nước, 1968, in khắc gỗ màu*



*Đừa nước Bến Tre, 1985, in khắc gỗ màu*

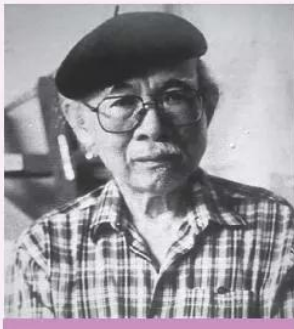
Bức tranh in *Đừa nước Bến Tre* được họa sĩ sáng tác sau một chuyến đi vẽ thực tế tại tỉnh Bến Tre và được trưng bày tại Triển lãm Mỹ thuật toàn quốc năm 1985. Họa sĩ Nguyệt Nga đã sử dụng những mảng hình lớn kết hợp với đường nét khái quát, cô đọng và bảng màu tươi sáng, vốn là ngôn ngữ chủ đạo của nghệ thuật tranh in đồ họa, để tái hiện lại phong cảnh miền sông nước Tây Nam Bộ với vẻ đẹp dung dị, thanh bình thông qua hình ảnh con đò nhỏ trôi ngang và những ngôi nhà nhỏ thấp thoáng lẫn sau đám đừa nước in bóng xuống dòng sông cùng gam màu xanh mát được chuyển sắc tinh tế.

**Tài liệu tham khảo:**

1. Nguyễn Hồng Ngọc, Nguyễn Đức Giang, Đỗ Lệnh Hùng Tú, *100 tác giả đồ họa và điêu khắc thế kỉ XX*, Dự án nghiên cứu, Trung tâm Tích hợp dữ liệu, Cổng thông tin Văn hoá Xã hội, Trung tâm Công nghệ thông tin, Cục Lưu trữ Quốc gia Việt Nam, 2012.
2. Tài liệu do họa sĩ Phạm Thị Nguyệt Nga cung cấp (2012, 2020).



## Hoạ sĩ Đường Ngọc Cảnh



Hoạ sĩ Đường Ngọc Cảnh  
(1925 – 2001)

Hoạ sĩ Đường Ngọc Cảnh (1925 – 2001) sinh ra ở huyện Tư Nghĩa, Quảng Ngãi, vùng đất của núi Ấn, sông Trà vốn là niềm tự hào của người xứ Quảng. Ông đã được học “Lớp Hội hoạ kháng chiến” do cố danh hoạ Nguyễn Đỗ Cung giảng dạy, sau đó được cử đi học ở Trường Cao đẳng Mĩ thuật Việt Nam. Từ năm 1960 đến năm 1965, ông được gửi đi học tại Trường Đại học Mĩ thuật Quốc gia Kiev, Ukraina thuộc Liên bang Xô viết. Tốt nghiệp trở về nước, ông được bổ nhiệm làm Trưởng khoa Đồ hoạ, Trường Đại học Mĩ thuật Công nghiệp Hà Nội.

Là người đầu tiên phát kiến ra cách in âm bản trên nền đen của giấy hoa tiên, hoạ sĩ Đường Ngọc Cảnh đã mang đến một nét mới cho Đồ hoạ Việt Nam. Những sáng tác của ông thường tập trung vào chủ đề thiên nhiên, cỏ cây, hoa trái và phong cảnh quê hương, đất nước, con người Việt Nam, điển hình là các tác phẩm: *Hoa quả miền Nam* (1979), *Nắng* (1983), *Cà xanh* (1990),... hay những bức vẽ ở giai đoạn cuối đời như: *Hoa trinh nữ*, *Hoa chuối*, *Hoa cau*, *Cây rơm*, *Cây mít*, *Xưởng chợ* (2001),... Nhờ phong cách hiện thực giàu tính trang trí, các sắc thái màu chuyển tiếp tinh tế theo ngôn ngữ của nghệ thuật đồ hoạ, các tác phẩm tranh in khắc gỗ và thạch cao của Đường Ngọc Cảnh thường mang nét đẹp của nghệ thuật tranh khắc dân gian Việt Nam hoà trong nét mới của nghệ thuật in khắc hiện đại một cách nhuần nhị.

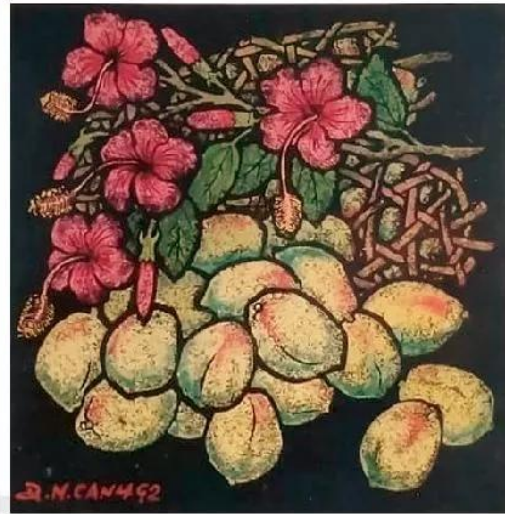


*Trầu cau*, 1991, in khắc gỗ màu





*Cà và ớt, 1998, in khắc thạch cao*



*Đào Sa Pa, 1992, in thạch cao màu*

Tác phẩm in khắc thạch cao *Đào Sa Pa* được họa sĩ Đường Ngọc Cảnh sáng tác năm 1992. Cũng như hầu hết những tác phẩm tranh in đồ họa khác, bức tranh được họa sĩ Đường Ngọc Cảnh thể hiện trên khổ vuông, bởi theo ông hình vuông là một hình đặc biệt, biểu hiện sự bền vững, chắc chắn và trường tồn. Hơn nữa, họa sĩ chọn sáng tác cố định trong khuôn khổ này với dụng ý riêng là để tìm ra được giải pháp tối ưu có thể. Bằng bút pháp tạo hình hiện thực mang tính trang trí cao, những bông hoa râm bụt thắm đỏ và những trái đào vàng tươi, tròn trịa, căng đầy được họa sĩ thể hiện với cách in chồng nhiều lớp, tạo sự chuyển màu, chuyển sắc, tạo khối một cách tinh tế. Sử dụng gam màu có độ tương phản nóng lạnh và sáng tối mạnh, những đường nét đen viền hình khoẻ khoắn, hoa lá, quả cây trong tranh của ông trở nên rục rịch, lung linh và nổi bật trên nền đen của giấy hoa tiên.

Trong nhiều năm giảng dạy tại Trường Đại học Mĩ thuật Công nghiệp Hà Nội, họa sĩ Đường Ngọc Cảnh là một trong những nhà sư phạm mẫu mực góp phần đào tạo đội ngũ kế cận cho nền mĩ thuật Việt Nam. Kĩ thuật tranh khắc thạch cao cũng như lối in âm bản của ông sau này đã được nhiều lớp họa sĩ đồ họa thế hệ sau sử dụng như Trần Khánh Chương, Đinh Lực, Nguyễn Tùng Ngọc,...

**Tài liệu tham khảo:**

1. Nguyễn Hồng Ngọc, Nguyễn Đức Giang, Đỗ Lệnh Hùng Tú, *100 tác giả đồ họa và điêu khắc thế kỉ XX*, Dự án nghiên cứu, Trung tâm Tích hợp dữ liệu, Cổng thông tin Văn hoá Xã hội, Trung tâm Công nghệ thông tin, Cục Lưu trữ Quốc gia Việt Nam, 2012.
2. Tài liệu về họa sĩ Đường Ngọc Cảnh do họa sĩ Đường Hồng Mai (con gái họa sĩ Đường Ngọc Cảnh) cung cấp.